

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 17 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG

Số: 13/2021/QĐ-UBND

ĐẾN Số: 650

Ngày 24/9/2021

Chuyển:

Số và ký hiệu HS:

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) và bổ sung định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Văn bản số 301-KL/TU ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Văn bản số 420/HĐND-KTNS ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 325/TTr-STC ngày 12 tháng 08 năm 2021 về việc dự thảo Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) và bổ sung định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của UBND tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) và bổ sung định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Điều 2. Bổ sung định mức xe ô tô phục vụ công tác chung

1. Bổ sung định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh.

a) Văn phòng cấp ủy phục vụ chung các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy: Bổ sung định mức 01 xe;

b) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô: Bổ sung định mức 01 xe/01 đơn vị.

c) Sở, Ban, ngành và các tổ chức tương đương thuộc cấp tỉnh có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô: Bổ sung định mức 01 xe/01 đơn vị.

2. Bổ sung định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan cấp huyện.

Văn phòng Huyện ủy, Thành ủy thuộc tỉnh; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trực thuộc tỉnh: Bổ sung định mức 01 xe/01 đơn vị để phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô; trường hợp hợp nhất Văn phòng cấp ủy với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện thì bổ sung định mức sử dụng xe ô tô của Văn phòng sau khi hợp nhất là 01 xe.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

a) Đối tượng sử dụng, số lượng và chủng loại xe ô tô chuyên dùng được quy định chi tiết tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Mức giá xe ô tô chuyên dùng được quy định chi tiết tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Mua sắm xe ô tô chuyên dùng.

a) Khi có nhu cầu trang bị xe ô tô chuyên dùng, các cơ quan, đơn vị căn cứ vào đối tượng, số lượng và chủng loại trang bị xe ô tô chuyên dùng quy định tại khoản 1 Điều này và dự toán ngân sách được giao hàng năm có văn bản gửi Sở Tài chính để tổng hợp nhu cầu, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

b) Giá mua xe ô tô chuyên dùng là giá bán xe trên thị trường tại thời điểm mua sắm, nhưng không được vượt mức giá tối đa theo định mức sử dụng xe chuyên dùng cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định này. Trường hợp giá xe ô tô chuyên dùng có biến động tăng, việc điều chỉnh mức giá theo quy định tại Khoản 1, Điều 21 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

c) Giá mua xe ô tô chuyên dùng quy định tại Quyết định này là giá mua tối đa đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ và các chi phí hợp pháp khác liên quan đến việc sử dụng xe theo quy định. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế thì phải tính đủ số thuế được miễn vào giá mua để xác định tiêu chuẩn, định mức.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 9 năm 2021

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CT UBND tỉnh;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- UBMT tổ quốc và các đoàn thể tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Ban Kinh tế NS - HĐND tỉnh;
- Như Điều 2 (Thi hành);
- Các Phó VPUBND tỉnh;
- Phòng tin học và Công báo;
- Báo Tuyên Quang; Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- TP: KT, TH;
- Lưu: VT, TC.

(Báo
cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sơn

QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC

Xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, số lượng và chủng loại)

(Kèm theo Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Đối tượng sử dụng/Đơn vị được trang bị	Số lượng tối đa (xe/đơn vị)	Chủng loại	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Tuyên Quang			
1.1	Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao	1	Xe ô tô bán tải	
1.2	Đội Quản lý trật tự đô thị	1	Xe ô tô tải	
1.3	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên	1	Xe ô tô bán tải	
1.4	Hạt Quản lý giao thông	3	Xe ô tô bán tải; Xe ô tô tải; xe ô tô có cấu tạo đặc biệt	
1.5	Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị	1	Xe ô tô từ 16 chỗ ngồi trở lên	
2	Sở Giao thông Vận tải			
2.1	Thanh tra Giao thông	8	Xe ô tô bán tải; Xe ô tô tải; Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật	
2.2	Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe	45	Xe ô tô tải; xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật	
3	Ban An toàn Giao thông	1	Xe ô tô bán tải	
4	Sở Công Thương	1	Xe ô tô bán tải	
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
5.1	Chi cục Thủy lợi	1	Xe ô tô bán tải	
5.2	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	1	Xe ô tô bán tải	

STT	Đối tượng sử dụng/Đơn vị được trang bị	Số lượng tối đa (xe/đơn vị)	Chủng loại	Ghi chú
1	2	3	4	5
5.3	Chi cục Phát triển nông thôn	1	Xe ô tô bán tải	
5.4	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	1	Xe ô tô bán tải	
5.5	Trung tâm Thủy sản	1	Xe ô tô bán tải	
5.6	Trung tâm Điều tra, quy hoạch - Thiết kế nông lâm nghiệp	1	Xe ô tô bán tải	
5.7	BQL Khai thác Công trình thủy lợi Tuyên Quang	1	Xe ô tô bán tải	
5.8	Trung tâm Khuyến nông	1	Xe ô tô bán tải	
5.9	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	1	Xe ô tô bán tải	
5.10	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	1	Xe ô tô bán tải	
5.11	BQL Rừng phòng hộ Lâm Bình	1	Xe ô tô bán tải	
5.12	BQL Rừng phòng hộ Na Hang	1	Xe ô tô bán tải	
5.13	Chi cục Kiểm lâm tỉnh	2	Xe ô tô bán tải	
5.13.1	Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR	1	Xe ô tô bán tải	
5.13.2	Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố	1	Xe ô tô bán tải	
5.13.3	Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Cham Chu	1	Xe ô tô bán tải	
5.13.4	BQL rừng đặc dụng Na Hang	1	Xe ô tô bán tải	
5.13.5	BQL rừng đặc dụng Cham Chu	1	Xe ô tô bán tải	
5.13.6	BQL rừng đặc dụng Tân Trào	1	Xe ô tô bán tải	
6	Sở Tài nguyên và Môi trường			
6.1	Trung tâm Quan trắc TN và MT	1	Xe ô tô bán tải	
6.2	Văn phòng Đăng ký đất đai	1	Xe ô tô bán tải	

STT	Đối tượng sử dụng/Đơn vị được trang bị	Số lượng tối đa (xe/đơn vị)	Chủng loại	Ghi chú
1	2	3	4	5
6.3	Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và Môi trường	1	Xe ô tô bán tải	
7	Sở Xây dựng			
7.1	Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng	1	Xe ô tô bán tải	
7.2	Trung tâm Quy hoạch xây dựng	1	Xe ô tô bán tải	
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			
8.1	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh	1	Xe ô tô bán tải	
8.2	Trung tâm Công tác xã hội	1	Xe ô tô bán tải	
8.3	Trung tâm Dịch vụ việc làm	1	Xe ô tô bán tải	
9	Sở Nội vụ			
	Ban Thi đua khen thưởng	1	Xe ô tô bán tải	
10	Sở Tư pháp			
10.1	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	1	Xe ô tô bán tải	
10.2	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản	1	Xe ô tô bán tải	
11	Ban An toàn Giao thông	1	Xe ô tô bán tải	
12	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang	5	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật; Xe ô tô 16 chỗ ngồi; Xe ô tô tải	
13	Sở Thông tin và Truyền thông			
	Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông	1	Xe ô tô bán tải	
14	Sở Khoa học và Công nghệ			

STT	Đối tượng sử dụng/Đơn vị được trang bị	Số lượng tối đa (xe/đơn vị)	Chủng loại	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và Công nghệ	1	Xe ô tô bán tải	
15	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch			
15.1	Bảo tàng tỉnh Tuyên Quang	1	Xe ô tô 16 chỗ ngồi	
15.2	Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng	2	Xe ô tô bán tải; Xe ô tô tải	
15.3	Đoàn Nghệ thuật Dân tộc tỉnh	3	Xe ô tô từ 16 chỗ ngồi trở lên; Xe ô tô tải	
15.4	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao	1	Xe ô tô từ 16 chỗ ngồi trở lên	
16	Sở Tài chính	1	Xe ô tô bán tải	
17	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh			
	Trung tâm Phát triển hạ tầng và dịch vụ và khu công nghiệp Tuyên Quang	1	Xe ô tô bán tải	
18	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	1	Xe ô tô bán tải	
19	Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ	45	Xe ô tô tải; xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật	
20	Trường Đại học Tân Trào			
20.1	Trung tâm thực nghiệm thực hành và chuyển giao KHCN	1	Xe ô tô bán tải	
20.2	Trường Đại học Tân Trào	1	Xe ô tô từ 16 chỗ ngồi trở lên	
21	Các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập còn lại nếu có nhiệm vụ đặc thù phải trang bị xe ô tô chuyên dùng	1	Xe ô tô bán tải	

PHỤ LỤC 02
QUY ĐỊNH MỨC GIÁ XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG

(Kèm theo Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Chủng loại	Mức giá tối đa (đồng/xe)	Ghi chú
1	2	3	4
1	Xe ô tô tải		
1.1	Tải trọng từ 1 tấn đến 1,5 tấn	400.000.000	
1.2	Tải trọng từ 1,6 tấn đến 2,5 tấn	520.000.000	
1.3	Tải trọng từ 2,6 tấn đến 3,5 tấn	710.000.000	
1.4	Tải trọng từ 6 tấn đến 8 tấn	720.000.000	
2	Xe ô tô bán tải		
2.1	Xe ô tô bán tải 2 cầu	925.000.000	Áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thường xuyên phải thực hiện nhiệm vụ tại các địa bàn khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn; địa bàn có địa hình đồi núi phức tạp, đường đất bùn lầy trơn trượt, đường cát lún, đường dốc nhiều sỏi đá và chướng ngại vật
2.2	Xe ô tô bán tải 1 cầu	860.000.000	Các trường hợp còn lại không quy định tại mục 2.1 phụ lục này
3	Xe ô tô 16 chỗ ngồi	1.180.000.000	
4	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi; xe ô tô có cấu tạo đặc biệt; xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng (xe ô tô phục vụ đào tạo: dạy thực hành lái xe, thi sát hạch...) hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật (xe gắn thiết bị thu, phát vệ tinh, xe phát thanh truyền hình lưu động,...)	Theo giá thị trường tại thời điểm mua sắm	

